

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 26 - 11 - 2025

V/v: *Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn*

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Trang**.

Các Thẩm phán: Bà **Lê Thị Hạng**;

Bà **Lê Thị Hiền**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hoàng Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2025/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2025/HNGĐ-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt);

Căn cước công dân số: 051065001470;

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 (có mặt);

Căn cước công dân số: 051167001842;

Cùng địa chỉ: A N, thôn T, xã C, tỉnh Khánh Hòa.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Văn Đ trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Nhưng chưa giải quyết chia tài sản chung. Quá trình sống chung, ông và bà Nguyễn Thị T được cha mẹ ruột ông cho tài sản chung là:

- Thửa đất số 856, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại tổ dân phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DH 352151, số vào sổ: CS11255 ngày 31/8/2022 thay đổi nội dung ngày 09/9/2022) cùng tài sản trên đất.

- Thửa đất số 855, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại tổ dân phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DH 352193, số vào sổ: CS11261 ngày 05/9/2022 thay đổi nội dung ngày 09/9/2022) cùng tài sản trên đất.

Nay do không thỏa thuận được nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung nói trên theo hướng ông được nhận thửa đất số 855, tờ bản đồ số 20 với điều kiện phải có lối đi vào thửa đất 855 có chiều rộng 4m, chiều dài từ đường giao thông công cộng đến thửa đất 855; bà Thu nhận thửa đất số 856, tờ bản đồ số 20, đường mở về phía tây của thửa số 856. Trường hợp bà T không đồng ý nhận thửa 856 thì ông nhận thửa 856. Ai nhận phần đất nào thì hưởng trọn giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với phần đất đó, không thực hiện bù trừ nghĩa vụ tài chính giữa các bên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Tài sản chung sau khi ly hôn của vợ chồng đúng như ông Đ trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì bà có ý kiến như sau: Bà đồng ý nhận thửa đất số 856, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại tổ dân phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Bà không đồng ý làm đường vào lối đi chung 4m mà chỉ đồng ý làm lối đi chung 2m theo chiều rộng thửa đất, chiều dài từ đường giao thông công cộng đến thửa đất số 855, tờ bản đồ số 20, đường mở về phía tây của thửa 856. Ai nhận phần đất nào thì hưởng trọn giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với phần đất đó, không thực hiện bù trừ nghĩa vụ tài chính giữa các bên.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41//2025/HNGĐ-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa quyết định: Căn cứ vào các Điều 26,28,35,39,147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 29 Luật đất đai 2013; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn Đ.

Chia cho ông Võ Văn Đ được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 855, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại tổ dân phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (ký hiệu A) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất; đồng thời chia cho ông Võ Văn Đ một phần diện tích của thửa đất số 856, có chiều ngang 4m, chiều dài từ đường giao thông công cộng đến thửa đất số 855, diện tích 112,4m², có tứ cận: Đông giáp phần còn lại của thửa 856, Tây giáp thửa 39, Nam giáp đường N, Bắc giáp thửa 855, cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất. (Ký hiệu C);

Phần diện tích 112,5m² (ký hiệu C) này đồng thời là lối đi từ đường giao thông công cộng đến thửa đất số 855 và được nhập chung, tạo thành một thể thống nhất với thửa số 855, thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông Võ Văn Đ.

Chia cho bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích còn lại của thửa đất số 856, tờ bản đồ số 20, tọa lạc cùng địa chỉ nêu trên (ký hiệu B), cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Ai nhận phần đất nào thì hưởng trọn giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với phần đất đó, không thực hiện bù trừ nghĩa vụ tài chính giữa các bên. Các bên có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện điều chỉnh, đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15 tháng 9 năm 2025 bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 41/2025/HNGĐ-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa.

Nội dung: Từ năm 2017 đến nay ông Đ bỏ đi khỏi địa phương không về nhà. Vì vậy, thửa đất mà ông Đ yêu cầu chia tài sản do bà quản lý, canh tác và sử dụng từ năm 2017 cho đến nay, đồng thời các con chung của bà và ông Đ mặc dù đã lớn nhưng chưa có công ăn việc làm và đang ở trên thửa đất này. Thửa đất trên ông Đ cũng không tôn tạo, đóng góp công sức với khối tài sản chung từ trước cho đến nay nên bà không đồng ý chia đôi tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà T đề nghị: Đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi thửa đất 855, 856 từ trước ra sau theo hướng từ đường giao thông công cộng kéo dài xuống hết thửa đất 855 cho mỗi bên nhận $\frac{1}{2}$.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Sửa lại phần án phí sơ thẩm của bị đơn cho đúng quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa.

Sau khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 15 tháng 9 năm 2025, bị đơn bà Nguyễn Thị T nộp đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là còn thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Võ Văn Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án: “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*” là có căn cứ.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

[3.1.1] Về nguồn gốc tài sản chung:

Thửa đất số 855 và 856, tờ bản đồ số 20, tổ dân phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã C, tỉnh Khánh Hòa) và tài sản gắn liền với đất có nguồn gốc do ông Đ, bà T được cha mẹ chồng tên Võ L chuyển nhượng từ năm 2004 (BL 32-34) và sử dụng ổn định từ năm 2004 đến nay. Nên được xác định đây là tài sản chung vợ chồng, phù hợp quy định điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.1.2] Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa (BL 03) chỉ giải quyết về phần hôn nhân và con chung giữa ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T và chưa giải quyết về phần tài sản chung. Vì vậy nguyên đơn ông Võ Văn Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là có căn cứ để xem xét, giải quyết.

[3.1.3] Tại biên bản hòa giải, ông Đ và bà T đã thỏa thuận thống nhất: Ông Đ đồng ý nhận quyền sử dụng thửa đất số 855, tờ bản đồ số 20, tổ dân phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã C, tỉnh Khánh Hòa) và các tài sản gắn liền trên đất. Bà Nguyễn Thị T đồng ý nhận quyền sử dụng thửa đất số 856, tờ bản đồ số 20 tổ dân phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã C, tỉnh Khánh Hòa) và các tài sản gắn liền trên đất nhưng không đồng ý mở lối đi chung theo yêu cầu của ông Đ (BL 76).

[3.1.4] Từ những phân tích như trên nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ, xác định tài sản chung vợ chồng và chia tài sản chung vợ chồng là đúng quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình 2014. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3.2] Xét ý kiến của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: *chia đôi thửa đất 855, 856 từ trước ra sau theo hướng từ đường giao thông công cộng kéo dài xuống hết thửa đất 855 cho mỗi bên nhận ½*, nhận thấy: việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu trong thời hạn kháng cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.3] Biên bản thẩm định và biên bản định giá có sai sót khi tính giá trị cây xoài hạt loại A, cấp phúc thẩm tính lại trị giá tài sản của bà T được chia là 189.897.000 đồng; ông Đ được chia là 135.643.000 đồng là cao hơn so với bản án sơ thẩm. Xét thấy không cần phải sửa bản án mà điều chỉnh lại án phí sơ thẩm chia tài sản chung là phù hợp.

[4] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa; Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2025/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa về phần án phí theo hướng đã phân tích.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí:

[5.1] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tài sản, định giá, thu thập tài liệu chứng cứ là 14.500.000 đồng. Mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí, do ông Võ Văn Đ đã nộp tạm ứng toàn bộ nên bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho ông Đ số tiền 7.250.000 đồng.

[5.2] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về chia tài sản chung:*

Bà T phải chịu 9.494.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Cách tính: (189.897.000 đồng x5%).

Ông Đ được miễn tiền án phí do thuộc trường hợp người có công với cách mạng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326.

[5.3] *Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm:* Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T nên bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên bố:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2025/HNGĐ-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa.

Căn cứ vào các điều 26, 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 29 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn Đ.

1.1.Chia cho ông Võ Văn Đ được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 855, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại tổ dân phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (ký hiệu A) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất; đồng thời chia cho ông Võ Văn Đ một phần diện tích của thửa đất số 856, có chiều ngang 4m, chiều dài từ đường giao thông công cộng đến thửa đất số 855, diện tích 112,4m², có tứ

cận: Đông giáp phần còn lại của thửa 856, Tây giáp thửa 39, Nam giáp đường N, Bắc giáp thửa 855, cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất. (Ký hiệu C);

Phần diện tích 112,5m² (ký hiệu C) này đồng thời là lối đi từ đường giao thông công cộng đến thửa đất số 855 và được nhập chung, tạo thành một thể thống nhất với thửa số 855, thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông Võ Văn Đ.

1.2. Chia cho bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích còn lại của thửa đất số 856, tờ bản đồ số 20, tọa lạc cùng địa chỉ nêu trên (ký hiệu B), cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Ai nhận phần đất nào thì hưởng trọn giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với phần đất đó, không thực hiện bù trừ nghĩa vụ tài chính giữa các bên.

Các bên có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện điều chỉnh, đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

2. Chi phí tố tụng: bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho ông Đ số tiền 7.250.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) chi phí đo đạc, định giá.

3. Án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Bà T phải chịu 9.494.000 (*Chín triệu bốn trăm chín mươi tư ngàn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về chia tài sản chung.

Ông Đ được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về chia tài sản chung.

[3.2] *Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm*: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002237 ngày 14/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(Kèm theo trích đo địa chính số 02/2025 ngày 06/02/2025 của Công ty TNHH Đ1).

Nơi nhận:

- Dương sự (02);
- VKSND tỉnh Khánh Hòa (1);
- TAND khu vực 2 - Khánh Hòa (1);
- Phòng THADS khu vực 2 - Khánh Hòa (1);
- Phòng GDKT, TT& THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Trang